

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29-7-2021

*V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hồ Huy Cường

2. Bà Trần Thị Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa:
Ông Trần Anh Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 129/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Tuyết Đ, sinh năm 1981

Địa chỉ: Số 1/88, ấp L, xã N, thị xã H, tỉnh T.

- Bị đơn: Anh Phạm Hoài Â, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp C, xã Gi, huyện G, tỉnh T.

Chị Đ và anh Â đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30-3-2021, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Lê Tuyết Đ trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Hoài Â chung sống với nhau từ năm 2010, có qua tìm hiểu trước, hôn nhân tự nguyện. Chị và anh Â có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cẩm Giang, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh năm 2011.

Sau khi kết hôn, chị và anh Â không thường xuyên sống chung mà chị ở nhà cha mẹ ruột tại ấp L, xã N, thị xã H, tỉnh T còn anh Â thì ở bên gia đình anh

Â tại ấp C, xã Gi, huyện G, tỉnh T. Khoảng vài ngày chị và anh Â mới gặp nhau, sau đó mỗi người ở một nơi nhưng vẫn thường xuyên qua lại trong khoảng thời gian 05 đến 06 năm. Chị và anh Â tuy không thường xuyên gặp nhau nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn hạnh phúc đến năm 2015, anh Â không thường xuyên lên nhà thăm nom mẹ con chị mà khoảng vài tháng anh Â mới ghé thăm một lần. Thời gian sau này tình cảm vợ chồng cũng giảm sút, anh Â cũng không còn quan tâm chị và các con. Vợ chồng chưa một lần cãi nhau nhưng cũng không thể chia sẻ và đồng cảm với nhau. Con cái do chị chăm sóc, nuôi dưỡng và dạy dỗ hằng ngày. Chị và anh Â có nói chuyện với nhau đề hàn gắn tình cảm và giải quyết mâu thuẫn vợ chồng nhưng vẫn không thay đổi được. Chị và anh Â sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Cả hai đều không có nhu cầu được hàn gắn tình cảm, không muốn đoàn tụ gia đình. Nay tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Â không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh Â.

Về nuôi con: Chị và anh Â có 02 người con chung là cháu Phạm Hoài P, sinh ngày 25-6-2011 và Phạm Hoài Tr, sinh ngày 27-12-2014. Hiện hai cháu đang ở cùng với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con chung, không yêu cầu anh Â cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh Â chung sống không có tài sản chung nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị không có nợ ai và cũng không có ai nợ lại anh chị nên chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Hoài Â đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn nộp cho Tòa án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng, chị Đ đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, còn anh Â thì chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đ đối với anh Â;

Về con chung: giao cho chị Đ được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Phạm Hoài P, sinh ngày 25-6-2011 và Phạm Hoài Tr, sinh ngày 27-12-2014. Chị Đ không yêu cầu anh Â cấp dưỡng nuôi con nên cần ghi nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Tuyết Đ có đơn xin vắng mặt, còn bị đơn anh Phạm Hoài Â đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Qua xác minh, bị đơn anh Phạm Hoài Â có đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng tại ấp Cẩm Long, xã Cẩm Giang, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, nhưng từ giữa năm 2020, anh Â đã bỏ địa phương đi đâu không rõ. Anh Â cũng không báo với chính quyền địa phương cũng như không thông báo và không cung cấp địa chỉ mới cho chị Đ biết. Đây là trường hợp cố tình giấu địa chỉ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu và Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng của anh Â là đúng quy định của pháp luật quy định tại điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân của chị Lê Tuyết Đ và anh Phạm Hoài Â là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn, theo chị Đ thì nguyên nhân là anh chị không thường xuyên chung sống cùng với nhau. Mặc dù không có bất kỳ rào cản nào nhưng vợ chồng ít khi được gặp nhau nên không thể chia sẻ và đồng cảm những vấn đề trong cuộc sống. Từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng giảm sút, mối quan hệ vợ chồng và quan hệ gia đình không được khấn khít. Từ khi chị Đ nộp đơn ly hôn đến nay, mặc dù có thông báo cho anh Â biết và anh Â đã được Tòa án triệu tập để thu thập chứng cứ, tham gia hòa giải và xét xử nhưng anh Â vẫn vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Đ và cũng không thể hiện thiện chí để đoàn tụ. Từ các chứng cứ trên cho thấy, mâu thuẫn của anh chị trở nên trầm trọng, anh Â cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm nên mục đích hôn nhân không còn đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đ đối với anh Â là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con:

[3.1] Anh chị có 02 người con chung là cháu Phạm Hoài P, sinh ngày 25-6-2011 và Phạm Hoài Tr, sinh ngày 27-12-2014. Hiện cả hai đang sống chung với chị Đ. Chị Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu P và cháu Tr.

[3.2] Xét yêu cầu của chị Đ thì thấy: Từ khi được sinh ra cho đến nay và kể cả trong thời gian chị Đ và anh Â sống ly thân, 02 người con chung do chị Đ nuôi dưỡng, giáo dục. **Nghề nghiệp của chị Đ hiện nay là công nhân, có thu nhập ổn định** nên có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Hơn nữa, nguyện vọng của cháu P là được sống cùng với chị Đ. Do đó Hội đồng xét xử cần giao cho chị Đ được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 người

con chung là cháu P và cháu Tr là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.3] Chị Đ không yêu cầu anh Á cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Đ khai không có, chị Đ và anh Á đều không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

[5] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[6] *Về án phí*: Chị Đ phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147, 227, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Tuyết Đ đối với anh Phạm Hoài Á. Chị Lê Tuyết Đ được ly hôn với anh Phạm Hoài Á.

2. Về nuôi con: Giao cho chị Đ được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con chung tên Phạm Hoài P, sinh ngày 25-6-2011 và Phạm Hoài Tr, sinh ngày 27-12-2014. Anh Á không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Á có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Đ phải chịu 300.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị Đ đã nộp theo biên lai thu số 0012894 ngày 12-4-2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị Đ đã nộp đủ tiền án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Ủy ban nhân dân xã Cẩm Giang;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

TRẦN THỊ KIM CƯỜNG